

ĐỔI MỚI CƠ CHẾ QUẢN LÝ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

TS. LÊ ĐÌNH TIẾN

Thứ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ

1. Vài nét về vấn đề phát triển khoa học và công nghệ ở nước ta thời gian qua.

Những năm qua, đặc biệt là trong thời kỳ đổi mới, nhiều văn bản quan trọng về định hướng chiến lược và cơ chế, chính sách phát triển khoa học và công nghệ (KH&CN) của Đảng và Nhà nước ta đã được ban hành: Nghị quyết Hội nghị Trung ương 2 khoá VIII (1996); Kết luận của Hội nghị Trung ương 6 khoá IX (2002); Luật KH&CN (2000); Chiến lược phát triển KH&CN Việt Nam đến năm 2010 (2003) cùng nhiều chính sách cụ thể khác về xây dựng tiềm lực và đổi mới cơ chế quản lý KH&CN.

Với sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, đặc biệt là sự nỗ lực của đội ngũ cán bộ KH&CN, hoạt động KH&CN đã có bước chuyển biến tích cực, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội đất nước và bảo đảm an ninh, quốc phòng. KH&CN Việt Nam đã tiếp cận và ứng dụng được các thành tựu của thế giới để tạo ra nhiều sản phẩm KH&CN có giá trị khoa học cao. Thông qua các chương trình KH&CN, hoạt động KH&CN đã gắn kết chặt chẽ hơn với sản xuất, đời sống và mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội thiết thực. Kết quả nghiên cứu của nhiều đề tài được áp dụng vào sản xuất để tạo ra sản phẩm mới, sản phẩm có chất lượng cao phục vụ xuất khẩu, thay thế hàng

nhập ngoại, góp phần nâng cao trình độ công nghệ, năng lực sản xuất và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

Cụ thể, KH&CN đã đóng góp rất lớn vào quá trình phát triển nông nghiệp và thủy sản. Hàng năm, có hàng trăm giống cây trồng, vật nuôi và quy trình công nghệ được công nhận và chuyển giao cho sản xuất. Trong lĩnh vực lâm nghiệp, nhờ áp dụng tiến bộ KH&CN, nhiều địa phương, lâm trường, hộ nông dân đã trồng rừng kinh tế có lãi. Bằng việc áp dụng công nghệ mô hom nhân nhanh các giống cây có năng suất cao làm nguyên liệu cho sản xuất giấy, năng suất đã tăng lên gấp 3 lần trong một chu kỳ sản xuất, góp phần quan trọng vào ổn định vùng nguyên liệu cho công nghiệp giấy và gỗ nhân tạo, phục vụ phủ xanh đất trống, đồi trọc và thực hiện mục tiêu trồng mới 5 triệu hecta rừng. Nhờ chuyển đổi cơ cấu kinh tế từ đất canh tác nông nghiệp kém hiệu quả sang nuôi trồng thủy sản, kim ngạch xuất khẩu thủy sản đã vượt qua con số 2 tỉ USD vào năm 2000 để đạt mức 2,24 tỉ USD vào năm 2003, góp phần xoá đói, giảm nghèo, từng bước đưa nông thôn Việt Nam đi lên trong công cuộc đổi mới đất nước.

Trong lĩnh vực y tế, kết quả nổi bật nhất là nghiên cứu và phát triển công nghệ sản xuất vắc xin, hình thành được ngành công nghiệp sản xuất vắc-xin phục

vụ nhu cầu trong nước và bước đầu xuất khẩu. Đến nay, Việt Nam đã làm chủ được công nghệ sản xuất 9/10 loại vắc-xin phục vụ Chương trình tiêm chủng mở rộng và ứng dụng thành công công nghệ cao trong sản xuất vắc-xin viêm gan B tái tổ hợp. Đồng thời, đã làm chủ được nhiều công nghệ chẩn đoán hiện đại như chẩn đoán hình ảnh, nội soi, thụ tinh trong ống nghiệm, ghép thận, ghép gan, nong động mạch vành, nong van tim hai lá,... Đặc biệt, các nhà khoa học ngành y tế đã góp phần quan trọng trong việc kịp thời phát hiện, giám sát dịch tễ học và có phác đồ điều trị thành công bệnh viêm đường hô hấp cấp (SARS), đưa Việt Nam trở thành nước đầu tiên trên thế giới khống chế thành công dịch bệnh này, góp phần ổn định xã hội và làm khởi sắc trở lại ngành du lịch nước nhà.

Trong lĩnh vực giao thông - vận tải và xây dựng, sự đầu tư chiều sâu cho KH&CN đã giải quyết được nhiều vấn đề về công nghệ, góp phần đẩy mạnh nền công nghiệp đóng tàu Việt Nam. Chúng ta đã đóng thành công các loại tàu cao tốc và tàu vận tải có sức chở lớn 6.500 tấn và 12.500 tấn. Nhờ đẩy mạnh nghiên cứu và ứng dụng KH&CN tiên tiến, ngày nay, các chuyên gia Việt Nam đã có thể làm chủ công nghệ, thiết kế và chỉ đạo thi công các công trình cầu theo phương pháp đúc hẫng, cầu dây văng, đường cao tốc, nhà ga, bến cảng có quy mô và trình độ công nghệ ngang tầm với các nước trong khu vực.

Có được thành tựu KH&CN như vậy một phần không nhỏ là nhờ đổi mới tư duy và cơ chế quản lý KH&CN. Công tác xây dựng và tổ chức thực hiện nhiệm vụ KH&CN được đổi mới theo hướng có trọng tâm, trọng điểm, giảm tính chủ quan và áp đặt. Cơ chế quản lý các tổ chức KH&CN đã góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động nghiên cứu KH&CN và

khả năng ứng dụng kết quả vào thực tiễn. Đồng thời, cơ chế quản lý tài chính và nhân lực đã tạo tiền đề bước đầu cho việc đa dạng hoá nguồn đầu tư cho hoạt động KH&CN, giảm dần bao cấp từ ngân sách nhà nước và góp phần giải phóng tiềm năng sáng tạo của đội ngũ cán bộ KH&CN. Những cơ sở ban đầu cho việc hình thành thị trường KH&CN đã được xây dựng, tạo điều kiện thương mại hoá các thành quả KH&CN. Việc phân công, phân cấp trong QLNN về KH&CN từng bước được đẩy mạnh thông qua việc phân định rõ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các bộ, ngành, địa phương.

Tuy nhiên, thực tế cho thấy, bên cạnh các thành tựu đạt được, hoạt động KH&CN của nước ta hiện nay vẫn chưa gắn kết chặt chẽ với sự phát triển kinh tế - xã hội; kết quả nghiên cứu chậm được ứng dụng vào thực tiễn; các tổ chức nghiên cứu và phát triển tuy đã được sắp xếp một bước, nhưng còn thiếu đồng bộ, chưa đảm bảo đầy đủ quyền tự chủ; việc đầu tư xây dựng cơ sở vật chất - kĩ thuật thiếu tập trung và dứt điểm cho từng mục tiêu; chưa phát huy mạnh mẽ năng lực của đội ngũ cán bộ KH&CN.

Có nhiều nguyên nhân dẫn tới các tồn tại trên, trong đó nguyên nhân cơ bản là nhận thức về vai trò động lực của KH&CN chưa thực sự được quán triệt bằng hành động thực tế của các cấp, các ngành trong các quyết sách lớn về phát triển kinh tế - xã hội. Cơ chế quản lý kinh tế còn có sự bao cấp của Nhà nước và sự độc quyền trong nhiều lĩnh vực khiến các doanh nghiệp nhà nước chưa quan tâm đổi mới công nghệ để cạnh tranh và phát triển. Ngoài ra, chúng ta còn thiếu các chính sách hữu hiệu trong việc sử dụng cán bộ KH&CN cũng như trọng dụng nhân tài nhằm động viên, khuyến khích các nhà khoa học cống hiến hết mình cho đất nước...

2. Đổi mới cơ chế quản lý KH&CN.

Để tạo bước chuyển biến cơ bản trong công tác quản lý KH&CN sao cho phù hợp với cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, kết hợp với yêu cầu chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và đặc thù của hoạt động KH&CN, hướng tới mục tiêu tăng cường tiềm lực KH&CN nhằm phục vụ đắc lực cho sự nghiệp phát triển đất nước nhanh và bền vững, ngày 28-9-2004, Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định số 171/2004/QĐ-TTg phê duyệt Đề án đổi mới cơ chế quản lý KH&CN. Theo tinh thần của Đề án, cần thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

Thứ nhất, đổi mới việc xây dựng và tổ chức thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

Phân định rõ quyền hạn, trách nhiệm của Chính phủ, của các bộ, ngành, địa phương và tổ chức KH&CN trong việc tổ chức và thực hiện nhiệm vụ KH&CN. Hoàn thiện cơ chế xây dựng và tổ chức thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo hướng tăng cường vai trò của cơ quan QLNN về KH&CN các cấp trong xác định các định hướng ưu tiên, đồng thời, mở rộng sự tham gia của các nhà khoa học, các nhà hoạch định chính sách, các doanh nghiệp và tổ chức xã hội trong quá trình xác định nhiệm vụ KH&CN. Kết hợp phương thức tuyển chọn thông qua cạnh tranh, công khai, dân chủ với phương thức giao nhiệm vụ trực tiếp dựa trên các tiêu chí rõ ràng. Đổi mới căn bản công tác đánh giá KH&CN trên cơ sở lấy chất lượng khoa học và hiệu quả kinh tế - xã hội làm chuẩn, phù hợp với từng loại hình nghiên cứu và chuẩn mực quốc tế. Tăng cường quản lý kết quả hoạt động KH&CN nhằm đưa nhanh các kết quả nghiên cứu ứng dụng vào thực tiễn.

Thứ hai, đổi mới quản lý các tổ chức KH&CN.

Xác định rõ các loại hình tổ chức

nghiên cứu và phát triển, tập trung đầu tư xây dựng một số tổ chức nghiên cứu và phát triển quốc gia đạt trình độ tiên tiến ngang tầm khu vực trong các lĩnh vực trọng điểm của Nhà nước. Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các tổ chức nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu chiến lược và chính sách, nghiên cứu các lĩnh vực KH&CN trọng điểm và những lĩnh vực công ích. Xây dựng tiêu chí và chế độ đánh giá định kỳ đối với các tổ chức KH&CN. Chuyển đổi các tổ chức nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ gắn với thị trường sang hoạt động theo cơ chế doanh nghiệp. Đặc biệt, nhấn mạnh vai trò của loại hình doanh nghiệp KH&CN, trong đó có các doanh nghiệp KH&CN hoạt động trong lĩnh vực công nghệ cao.

Tập trung xây dựng cơ chế liên kết chặt chẽ giữa nghiên cứu và đào tạo, đồng thời, tăng cường chức năng nghiên cứu và chuyển giao kết quả nghiên cứu trong các trường đại học. Thực hiện liên kết giữa trường đại học và tổ chức nghiên cứu - phát triển.

Thứ ba, đổi mới cơ chế, chính sách tài chính cho hoạt động KH&CN.

Tập trung vào các giải pháp đa dạng hoá nguồn đầu tư cho KH&CN, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư đổi mới công nghệ và cho phép doanh nghiệp trích một khoản thu nhập trước thuế để thành lập Quỹ phát triển KH&CN. Tăng cường khai thác các nguồn vốn từ hợp tác quốc tế dành cho KH&CN. Đổi mới chính sách đầu tư và cơ chế phân bổ ngân sách nhà nước cho hoạt động KH&CN. Hoàn thiện cơ chế sử dụng nguồn tài chính tạo động lực cho hoạt động KH&CN và cải tiến thủ tục thanh quyết toán theo hướng đơn giản, thuận tiện cho cán bộ nghiên cứu. Áp dụng cơ chế khoán sản phẩm đối với đề tài, dự án KH&CN.

2. Đổi mới cơ chế quản lý KH&CN.

Để tạo bước chuyển biến cơ bản trong công tác quản lý KH&CN sao cho phù hợp với cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, kết hợp với yêu cầu chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và đặc thù của hoạt động KH&CN, hướng tới mục tiêu tăng cường tiềm lực KH&CN nhằm phục vụ đắc lực cho sự nghiệp phát triển đất nước nhanh và bền vững, ngày 28-9-2004, Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định số 171/2004/QĐ-TTg phê duyệt Đề án đổi mới cơ chế quản lý KH&CN. Theo tinh thần của Đề án, cần thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

Thứ nhất, đổi mới việc xây dựng và tổ chức thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

Phân định rõ quyền hạn, trách nhiệm của Chính phủ, của các bộ, ngành, địa phương và tổ chức KH&CN trong việc tổ chức và thực hiện nhiệm vụ KH&CN. Hoàn thiện cơ chế xây dựng và tổ chức thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo hướng tăng cường vai trò của cơ quan QLNN về KH&CN các cấp trong xác định các định hướng ưu tiên, đồng thời, mở rộng sự tham gia của các nhà khoa học, các nhà hoạch định chính sách, các doanh nghiệp và tổ chức xã hội trong quá trình xác định nhiệm vụ KH&CN. Kết hợp phương thức tuyển chọn thông qua cạnh tranh, công khai, dân chủ với phương thức giao nhiệm vụ trực tiếp dựa trên các tiêu chí rõ ràng. Đổi mới căn bản công tác đánh giá KH&CN trên cơ sở lấy chất lượng khoa học và hiệu quả kinh tế - xã hội làm chuẩn, phù hợp với từng loại hình nghiên cứu và chuẩn mực quốc tế. Tăng cường quản lý kết quả hoạt động KH&CN nhằm đưa nhanh các kết quả nghiên cứu ứng dụng vào thực tiễn.

Thứ hai, đổi mới quản lý các tổ chức KH&CN.

Xác định rõ các loại hình tổ chức

nghiên cứu và phát triển, tập trung đầu tư xây dựng một số tổ chức nghiên cứu và phát triển quốc gia đạt trình độ tiên tiến ngang tầm khu vực trong các lĩnh vực trọng điểm của Nhà nước. Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với các tổ chức nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu chiến lược và chính sách, nghiên cứu các lĩnh vực KH&CN trọng điểm và những lĩnh vực công ích. Xây dựng tiêu chí và chế độ đánh giá định kỳ đối với các tổ chức KH&CN. Chuyển đổi các tổ chức nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ gắn với thị trường sang hoạt động theo cơ chế doanh nghiệp. Đặc biệt, nhấn mạnh vai trò của loại hình doanh nghiệp KH&CN, trong đó có các doanh nghiệp KH&CN hoạt động trong lĩnh vực công nghệ cao.

Tập trung xây dựng cơ chế liên kết chặt chẽ giữa nghiên cứu và đào tạo, đồng thời, tăng cường chức năng nghiên cứu và chuyển giao kết quả nghiên cứu trong các trường đại học. Thực hiện liên kết giữa trường đại học và tổ chức nghiên cứu - phát triển.

Thứ ba, đổi mới cơ chế, chính sách tài chính cho hoạt động KH&CN.

Tập trung vào các giải pháp đa dạng hoá nguồn đầu tư cho KH&CN, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư đổi mới công nghệ và cho phép doanh nghiệp trích một khoản thu nhập trước thuế để thành lập Quỹ phát triển KH&CN. Tăng cường khai thác các nguồn vốn từ hợp tác quốc tế dành cho KH&CN. Đổi mới chính sách đầu tư và cơ chế phân bổ ngân sách nhà nước cho hoạt động KH&CN. Hoàn thiện cơ chế sử dụng nguồn tài chính tạo động lực cho hoạt động KH&CN và cải tiến thủ tục thanh quyết toán theo hướng đơn giản, thuận tiện cho cán bộ nghiên cứu. Áp dụng cơ chế khoán sản phẩm đối với đề tài, dự án KH&CN.

Thứ tư, đổi mới cơ chế quản lý nhân lực KH&CN.

Tập trung vào các giải pháp nhằm phát huy tối đa tiềm năng sáng tạo của đội ngũ cán bộ KH&CN, tạo động lực vật chất và tinh thần, thực hiện chế độ thù lao, đãi ngộ theo mức độ cống hiến và các chính sách khuyến khích khác đối với cán bộ KH&CN.

Mở rộng quyền tự chủ về quản lý nhân lực của các tổ chức KH&CN (trao quyền và trách nhiệm cho người đứng đầu các tổ chức KH&CN trong tuyển dụng, đào tạo, sử dụng, bổ nhiệm, miễn nhiệm, thôi việc, xếp lương, đãi ngộ,... đối với cán bộ, viên chức). Xây dựng cơ chế, chính sách tạo động lực cho cán bộ KH&CN (trọng dụng cán bộ KH&CN tài năng; sử dụng cán bộ giỏi sau khi nghỉ hưu; khuyến khích và thu hút người Việt Nam định cư ở nước ngoài tham gia phát triển KH&CN của đất nước; áp dụng mức thu nhập đặc biệt đối với cán bộ KH&CN đầu ngành...).

Thứ năm, phát triển mạnh thị trường công nghệ.

Xây dựng cơ chế, chính sách để thị trường công nghệ vận hành có hiệu quả. Tăng cường sự hỗ trợ của Nhà nước nhằm nâng cao năng lực quản lý và ứng dụng đổi mới công nghệ của doanh nghiệp; cải cách mạnh mẽ doanh nghiệp nhà nước theo hướng giảm độc quyền và tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng. Hỗ trợ hoàn thiện sản phẩm nghiên cứu có khả năng thương mại hoá trên cơ sở kết quả đánh giá sau nghiệm thu. Phát triển các tổ chức trung gian công nghệ và đẩy mạnh tổ chức các chợ thiết bị - công nghệ. Hoàn thiện và nâng cao hiệu lực của pháp luật về sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ.

Thứ sáu, hoàn thiện cơ chế hoạt động của bộ máy QLNN về KH&CN.

Thực hiện cải cách hành chính trong

cơ quan QLNN về KH&CN, tập trung vào nhiệm vụ QLNN và tách biệt với hoạt động sự nghiệp. Thực hiện phân công, phân cấp rõ ràng quyền hạn và trách nhiệm giữa các bộ, cơ quan ngang bộ và các ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Thứ bảy, đẩy mạnh đổi mới cơ chế, chính sách kinh tế - xã hội nhằm thúc đẩy tiến bộ KH&CN và ứng dụng thành quả KH&CN vào sản xuất, đời sống.

Xây dựng và ban hành các chính sách về cạnh tranh lành mạnh và kiểm soát độc quyền; đẩy mạnh quá trình cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước; thực hiện các cam kết kinh tế quốc tế, khu vực và thúc đẩy việc gia nhập Tổ chức Thương mại Quốc tế (WTO).

Thực hiện việc lấy ý kiến phản biện của các nhà khoa học đối với các chủ trương, chính sách, các dự án đầu tư và chương trình phát triển kinh tế - xã hội có quy mô lớn. Xây dựng cơ chế lồng ghép các dự án đầu tư, chương trình phát triển kinh tế - xã hội với các nhiệm vụ KH&CN...

Hiện nay, Bộ KH&CN đang tích cực phối hợp với các bộ, ngành, địa phương tổ chức thực hiện Đề án đổi mới cơ chế quản lý KH&CN để sớm đưa các nội dung của Đề án đi vào cuộc sống. Tuy nhiên, sự thành công của Đề án và các giải pháp đổi mới cơ chế quản lý KH&CN phụ thuộc phần lớn vào quyết tâm, nỗ lực và ý chí thống nhất của toàn xã hội, của các cấp, các ngành và đặc biệt là cộng đồng các nhà KH&CN trong cả nước. Với sự quan tâm, ủng hộ của mọi tầng lớp xã hội dành cho hoạt động KH&CN nước nhà, chắc chắn, các mục tiêu và giải pháp trên sẽ được thực hiện thành công □